

uigeli.xyz	ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KỲ I
ĐỀ 1	MÔN GDCD LỚP 11
	Thời gian: 45 phút

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Ông N. kinh doanh mặt hàng sắt thép xây dựng, thấy trên thị trường mặt hàng này đang khan hiếm, ông bỏ vốn ra gom hàng và đợi đến khi giá lên cao ông tung ra bán để có lợi nhuận cao. Việc làm trên của ông N thể hiện điều gì trong cạnh tranh?

A. Đầu cơ tích trữ gây rối loạn thị trường. B. Kích thích lực lượng sản xuất phát triển.

C. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

D. Giành giật khách hàng.

Câu 2: Yếu tố nào dưới đây không phải là điều kiện để sản phẩm trở thành hàng hóa?

A. Có công dụng nhất định.

B. Thông qua mua- bán.

C. Do lao động tạo ra.

D. Có sẵn trong tự nhiên.

Câu 3: Là toàn bộ năng lực thể chất và tinh thần của con người được vận dụng vào quá trình sản xuất được gọi là?

A. Tư liệu sản xuất.

B. Đối tượng lao động.

C. Sức lao động.

D. Công cụ lao động.

Câu 4: Sự tác động của con người vào tự nhiên, biến đổi các yếu tố của tự nhiên để tạo ra sản phẩm phù hợp với nhu cầu của mình gọi là gì?

A. Quá trình sản xuất.

B. Quá trình tồn tại.

C. Bản năng sống.

D. Sản xuất của cải vật chất.

Câu 5: Lao động của con người là dạng hoạt động gì?

A. Hoạt động bản năng.

B. Hoạt động có mục đích, có ý thức.

C. Hoạt động để thỏa mãn nhu cầu.

D. Hoạt động vô thức.

Câu 6: Yếu tố nào sau đây không phải là tác động của quy luật giá trị?

A. Phân hóa giàu- nghèo giữa những người sản xuất hàng hóa.

B. Kích thích lực lượng sản xuất phát triển, tăng năng suất lao động.

C. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa.

D. Điều tiết giá cả hàng hóa trên thị trường.

Câu 7: Giá cả của hàng hóa trên thị trường biểu hiện như thế nào?

A. Luôn thấp hơn giá trị.

B. Luôn khớp với giá trị.

C. Luôn cao hơn giá trị.

D. Luôn xoay quanh giá trị.

Câu 8: Hãy chỉ ra một trong những chức năng của tiền tệ.

A. Thông tin.

B. Thước đo giá cả.

C. Thước đo giá trị.

D. Thước đo kinh tế.

Câu 9: Giá trị sử dụng của hàng hóa là gì?

A. Là công dụng của sản phẩm để thỏa mãn nhu cầu tinh thần của con người.

B. Là công dụng của sản phẩm để thỏa mãn nhu cầu mua bán của con người.

C. Là công dụng của sản phẩm để thỏa mãn nhu cầu vật chất của con người.

D. Là công dụng của sản phẩm để thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người.

Câu 10: Hàng hóa có những thuộc tính nào dưới đây?

A. Giá trị và giá trị sử dụng.

B. Giá trị và giá trị tiêu dùng.

C. Giá trị tiêu dùng và giá trị thanh toán.

D. Giá trị sử dụng và giá trị cất trữ.

Câu 11: Quy luật giá trị quy định trong lưu thông tổng sản phẩm biểu hiện như thế nào?

A. Tổng giá cả > tổng giá trị.

B. Tổng giá cả = tổng giá trị.

C. Tổng giá cả $\geq$ tổng giá trị.

D. Tổng giá cả < tổng giá trị.

Câu 12: Sản xuất của cải vật chất giữ vai trò như thế nào đến mọi hoạt động của xã hội?

A. Thúc đẩy.

B. Quan trọng.

C. Định hướng.

D. Quyết định.

Câu 13: Nguyên nhân nào dẫn đến cạnh tranh?

A. Do điều kiện sản xuất của các chủ sở hữu khác nhau.

B. Do tồn tại nhiều chủ sở hữu có điều kiện sản xuất và lợi ích khác nhau.

C. Do tồn tại nhiều chủ sở hữu có nhiều lợi ích khác nhau.

D. Do tồn tại nhiều chủ sở hữu cùng sản xuất một loại mặt hàng.

Câu 14: Ý nào sau đây là tác động hạn chế của quy luật giá trị?

A. Kích thích lực lượng sản xuất phát triển, tăng năng suất lao động.

B. Điều tiết giá cả hàng hóa trên thị trường.

C. Phân hóa giàu- nghèo giữa những người sản xuất hàng hóa.

D. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa.

Câu 15: Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, " cạnh tranh" được dùng để gọi tắt cho cụm từ nào?

A. Cạnh tranh văn hóa.

B. Cạnh tranh công nghệ.

C. Cạnh tranh chính trị.

D. Cạnh tranh kinh tế.

Câu 16: Lao động xã hội của người sản xuất kết tinh trong hàng hóa được gọi là gì?

- A. Giá trị của hàng hóa.
- B. Giá trị thặng dư của hàng hóa.
- C. Giá trị trao đổi của hàng hóa.
- D. Giá trị sử dụng của hàng hóa.

Câu 17: Quy luật giá trị quy định người sản xuất và lưu thông hàng hóa trong quá trình sản và lưu thông căn cứ vào đâu?

- A. Thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa.
- B. Giá cả của hàng hóa trên thị trường.
- C. Nhu cầu của người tiêu dùng.
- D. Thời gian lao động các biệt để sản xuất ra hàng hóa.

Câu 18: Các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất là gì?

- A. sức lao động, công cụ lao động, tư liệu lao động.
- B. sức lao động, đối tượng lao động, công cụ lao động.
- C. sức lao động, đối tượng lao động, tư liệu lao động.
- D. sức lao động, tư liệu lao động, công cụ sản xuất.

Câu 19: Chị A làm một chiếc áo mất hết 6 giờ. Thời gian lao động xã hội cần thiết để làm chiếc áo là 7 giờ. Vậy chị A bán chiếc áo với giá cả tương ứng với bao nhiêu giờ?

- A. 8 giờ.
- B. 5 giờ.
- C. 7 giờ.
- D. 6 giờ.

Câu 20: Sản xuất của cải vật chất giữ vai trò gì đối với sự tồn tại của xã hội?

- A. Là điều kiện.
- B. Là đòn bẩy.
- C. Là động lực.
- D. Là cơ sở.

Câu 21: Đối tượng lao động được chia thành mấy loại?

- A. 5 loại.
- B. 3 loại.
- C. 4 loại.
- D. 2 loại.

Câu 22: Những yếu tố tự nhiên mà lao động của con người tác động vào nhằm biến đổi nó cho phù hợp với mục đích của con người là gì?

- A. Tư liệu lao động.
- B. Đối tượng lao động.
- C. Sức lao động.
- D. Công cụ lao động.

Câu 23: Sản phẩm nào dưới đây là hàng hóa?

- A. Người nông dân nuôi gà để ăn.
- B. Người nông dân trồng rau để ăn.
- C. Người nông dân trồng rau để bán.
- D. Người nông dân trồng lúa gạo để ăn.

Câu 24: Sản phẩm của lao động chỉ mang hình thái hàng hóa khi nào?

- A. Là đối tượng thỏa mãn nhu cầu thiết yếu của con người.
- B. Là đối tượng để con người tồn tại.

C. Là đối tượng sử dụng.

D. Là đối tượng mua- bán.

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1. Hãy trình bày khái niệm, điều kiện để sản phẩm trở thành hàng hóa, các loại hàng hóa và cho biết nguồn gốc và bản chất của tiền tệ?

Câu 2: Cho ví dụ và nhận xét ví dụ đó để thấy được biểu hiện của quy luật giá trị trong sản xuất?

----- **HẾT** -----

ĐÁP ÁN

Phần đáp án câu trắc nghiệm:

1	A	7	D	13	B	19	C
2	D	8	C	14	B	20	D
3	C	9	D	15	D	21	D
4	D	10	A	16	A	22	B
5	B	11	B	17	A	23	C
6	D	12	D	18	C	24	D

Phần đáp án câu tự luận:

Câu 1

*** Khái niệm hàng hóa, điều kiện để sản phẩm trở thành hàng hóa và các loại hàng hóa.**

- Điều kiện để sản phẩm trở thành hàng hóa:

- + Do lao động tạo ra.
- + Có công dụng nhất định.
- + Khi tiêu dùng phải thông qua mua bán.

- Khái niệm: Hàng hóa là sản phẩm của lao động có thể thỏa mãn một nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi, mua bán.

- Các loại hàng hóa

- + Hàng hóa vật thể.
- + Hàng hóa phi vật thể.

*** Nguồn gốc và bản chất của tiền tệ**

- Nguồn gốc: Tiền tệ xuất hiện là kết quả của quá trình phát triển lâu dài của sản xuất và trao đổi hàng hóa và sự phát triển của các hình thái giá trị.

- Bản chất

- + Tiền tệ là loại hàng hóa đặc biệt.
- + Được tách ra làm vật ngang giá chung, thể hiện giá trị chung cho các loại hàng hóa.
- + Tiền tệ biểu hiện mối quan hệ giữa những người sản xuất hàng hóa.

Câu 2

VD: Biểu hiện của quy luật giá trị trong sản xuất.

+ Người sản xuất 1: Sản xuất 1 sản phẩm = 10 giờ

+ Người sản xuất 2: Sản xuất 1 sản phẩm = 8 giờ

+ Người sản xuất 3: Sản xuất 1 sản phẩm = 12 giờ

Trong đó TGLĐXHCT là 10 giờ.

* Nhận xét:

- **Trường hợp 1:** $TGLĐCB = TGLĐXHCT$ (thực hiện đúng quy luật giá trị)

- **Trường hợp 2:** $TGLĐCB < TGLĐXHCT$ (thực hiện tốt quy luật giá trị)

- **Trường hợp 3:** $TGLĐCB > TGLĐXHCT$ (vi phạm quy luật giá trị)

uigeli.xyz ĐỀ 2	ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KỲ I MÔN GDCD LỚP 11 <i>Thời gian: 45 phút</i>
-------------------------------	---

I. TRẮC NGHIỆM: 7 ĐIỂM (28 câu)

Chọn đáp án đúng nhất bằng cách tô vào ô trả lời trong giấy làm bài:

Câu 1. Trong kinh tế hàng hoá, việc sản xuất ra sản phẩm là để

- | | |
|---|-----------------------|
| A. thoả mãn nhu cầu của người sản xuất. | C. tiêu dùng. |
| B. đáp ứng nhu cầu tiêu dùng. | D. trao đổi, mua bán. |

Câu 2. Thời gian lao động xã hội cần thiết tạo ra

- | | |
|----------------------------------|----------------------------------|
| A. giá trị xã hội của hàng hoá. | C. giá trị cá biệt của hàng hoá. |
| B. giá trị lịch sử của hàng hoá. | D. giá trị thực tiễn hàng hoá. |

Câu 3. Hàng hoá có hai thuộc tính, đó là

- A. giá trị sử dụng và giá trị của hàng hoá.

- B. giá trị sử dụng và giá trị trao đổi của hàng hoá.
- C. giá trị và giá trị trao đổi của hàng hoá.
- D. giá trị lịch sử và giá trị hiện tại của hàng hoá.

Câu 4. Đâu không phải là chức năng của tiền tệ?

- A. Phương tiện cất trữ.
- B. Phương tiện hoạch toán.
- C. Phương tiện thanh toán.
- D. Phương tiện lưu thông.

Câu 5. Sức lao động của con người là

- A. toàn bộ những năng lực thể chất và tinh thần của con người được vận dụng vào quá trình sản xuất.
- B. hoạt động có mục đích, có ý thức của con người trong quá trình lao động.
- C. sự tiêu dùng sức lao động trong thực tế.
- D. sự kết hợp sức lao động với tư liệu sản xuất.

Câu 6. Trên thị trường mỗi quan hệ tác động qua lại lẫn nhau giữa người bán và người mua nhằm mục đích

- A. xác định nhu cầu thị hiếu của người tiêu dùng.
- B. xác định giá cả và số lượng hàng hoá, dịch vụ.
- C. xác định số lượng hàng hoá cần thiết đáp ứng cho người tiêu dùng.
- D. trao đổi thông tin với nhau.

Câu 7. Các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất gồm

- A. sức lao động, đối tượng lao động và tư liệu lao động.
- B. sức lao động, công cụ lao động và đối tượng lao động.
- C. đối tượng sản xuất, tư liệu sản xuất và công cụ sản xuất.
- D. tư liệu lao động, đối tượng lao động và công cụ lao động.

Câu 8. Khi tiền giấy đưa vào lưu thông vượt quá số lượng cần thiết sẽ dẫn đến hiện tượng nào dưới đây?

- A. Giảm phát.
- B. Thiếu phát.
- C. Lạm phát.
- D. Giá trị của tiền tăng lên.

Câu 9. Hoạt động trung tâm, cơ bản nhất của xã hội loài người

- A. Hoạt động sản xuất của cải vật chất.
- B. Hoạt động thực nghiệm khoa học.
- C. Hoạt động chính trị- xã hội.
- D. Hoạt động thương mại.

Câu 10. Thị trường là lĩnh vực trao đổi, mua bán mà ở đó các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau nhằm xác định

- A. sức mua của đồng tiền.
- B. giá cả và số lượng hàng hóa, dịch vụ.
- C. sự cạnh tranh trong trao đổi, mua bán.
- D. sự cung ứng hàng hóa trên thị trường.

Câu 11. Cơ sở sản xuất tư nhân anh N làm giày, dép để bán lấy tiền rồi dùng tiền đó mua lại nguyên liệu để tái sản xuất nhằm mở rộng sản xuất, tăng thu nhập kinh tế gia đình. Theo em, trong trường hợp này tiền thực hiện chức năng nào trong các chức năng sau?

- A. Phương tiện thanh toán.
- B. Phương tiện cất trữ.
- C. Phương tiện lưu thông.
- D. Thước đo giá trị.

Câu 12. Khẳng định nào dưới đây thể hiện vai trò của sản xuất của cải vật chất?

- A. Là cơ sở tồn tại, phát triển và quyết định mọi hoạt động của xã hội.
- B. Làm cho kinh tế gia đình ngày càng phát triển.
- C. Là cơ sở nâng cao chất lượng cuộc sống của xã hội.
- D. Tạo dựng hạnh phúc gia đình nhờ có nhiều của cải vật chất.

Câu 13. Trong vụ hè thu vừa qua, mẹ M bán lúa thu được số tiền 20 triệu đồng, sau khi chi tiêu một số thứ còn 10 triệu, mẹ M tính chuyện cất trữ khi nào cần đưa ra dùng nhưng đang phân vân chưa biết cất loại tiền tệ nào cho phù hợp để phòng khi đau ốm đưa ra dùng. Nếu em là mẹ M, em sẽ chọn cách cất trữ nào dưới đây?

- A. Dùng tiền giấy cất vào két sắt của gia đình.
- B. Gửi tiền giấy vào ngân hàng cho yên tâm.
- C. Dùng tiền mua vàng để cất trữ.
- D. Cho người khác mượn số tiền đó.

Câu 14. Để phát triển bền vững đất nước, theo em cần phải gắn với yếu tố nào dưới đây?

- A. Hội nhập kinh tế quốc tế.
- B. Phát triển cơ sở hạ tầng.
- C. Tìm thị trường đầu tư.
- D. Bảo vệ môi trường sinh thái.

Câu 15. Cha mẹ N đã trả cho công ty địa ốc 500 triệu đồng để mua căn hộ cho gia đình ở. Trong trường hợp này chức năng nào của tiền tệ đã được thực hiện?

- A. Thước đo giá trị.
- B. Phương tiện cất trữ.
- C. Phương tiện lưu thông.
- D. Phương tiện thanh toán.

Câu 16. Phát triển kinh tế là

- A. tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội và an sinh xã hội.
- B. tăng trưởng kinh tế với cơ cấu kinh tế hợp lí, tiến bộ và công bằng xã hội.
- C. tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội và tăng về số lượng, chất lượng.
- D. có chính sách phù hợp để tăng và chuyển dịch cơ cấu một cách phù hợp.

Câu 17. Khi bàn về đối tượng lao động của quá trình sản xuất các bạn N, M, H, T đã có những ý kiến khác nhau. Qua kiến thức đã học, em chọn phương án nào trong 4 phương án của các bạn dưới đây?

- A. Bạn N: Tất cả yếu tố tự nhiên tồn tại xung quanh chúng ta đều là đối tượng lao động.
- B. Bạn M: Những yếu tố tự nhiên có sẵn cho con người.
- C. Bạn H: Đối tượng lao động là những yếu tố tự nhiên mà lao động con người tác động vào.
- D. Bạn T: Đối tượng lao động là tư liệu cần cho quá trình sản xuất mà bất cứ ai cũng cần phải có.

Câu 18. P hỏi R, sau khi học xong phần 1 bài 2 sách giáo khoa GD&CD 11, theo bạn, để một sản phẩm trở thành hàng hóa thì cần phải đủ những điều kiện nào dưới đây?

- A. Do lao động của con người tạo ra để phục vụ nhu cầu thiết yếu hàng ngày của mình.
- B. Sản phẩm đó làm thỏa mãn nhu cầu của mọi người tiêu dùng nên được trao đổi, mua bán.
- C. Thông qua sự trao đổi giữa người mua và người bán diễn ra trên thị trường.
- D. Do lao động tạo ra, có công dụng nhất định và thông qua trao đổi, mua bán.

Câu 19. Là một người tiêu dùng, người mua hàng hóa trên thị trường, bản thân em thường quan tâm (Chú ý) đến thuộc tính nào của hàng hóa?

- A. Giá trị của hàng hóa.
- B. Giá trị sử dụng của hàng hóa.
- C. Giá cả hàng hóa.
- D. Giá trị trao đổi của hàng hóa.

Câu 20. Ngày 28/08/2017 khi đi học về, K khoe với cha là con vừa được học ý nghĩa của việc phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội trong môn Giáo dục Công dân. Sau một hồi nói chuyện, cha hỏi con. Vậy, theo con trai việc phát triển kinh tế gia đình mình có ý nghĩa gì đối với con?

- A. Phát triển kinh tế giúp con có thêm thu nhập và phúc lợi cho con.
- B. củng cố niềm tin của con với người khác trong cuộc sống.
- C. Nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển toàn diện cho con.
- D. Tạo cơ sở quan trọng cho con để xây dựng gia đình chuẩn mực, văn hóa.

Câu 21. Sản xuất của cải vật chất là sự tác động của con người vào

- A. môi trường xung quanh tạo ra các sản phẩm phù hợp nhu cầu.
- B. sự tồn tại và phát triển liên tục của xã hội, con người tác động vào thiên nhiên.
- C. thiên nhiên của công cụ sản xuất cho ra các sản phẩm thiết yếu phục vụ nhu cầu của mình.
- D. tự nhiên, biến đổi yếu tố tự nhiên thành sản phẩm phù hợp nhu cầu của mình.

Câu 22. Hàng hóa là sản phẩm của lao động, có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người và thông qua

- | | |
|-----------------------|----------------------------------|
| A. trao tặng. | C. trao tặng, mua bán. |
| B. trao đổi, mua bán. | D. trao đổi, trưng mua hàng hóa. |

Câu 23. Tư liệu lao động là một vật hay hệ thống những vật làm nhiệm vụ truyền dẫn sự tác động của con người lên

- | | |
|----------------------|------------------------|
| A. công cụ lao động. | C. đối tượng lao động. |
| B. công cụ sản xuất. | D. vật dụng lao động. |

Câu 24. Biểu hiện của giá trị hàng hóa là

- | | |
|------------------------|---------------------------|
| A. thỏa mãn nhu cầu. | C. giá trị trao đổi. |
| B. thu nhiều tiền lãi. | D. sức mua của đồng tiền. |

Câu 25. Trong các yếu tố bản của quá trình sản xuất, theo em yếu tố nào dưới đây là quan trọng và quyết định nhất?

- | | |
|----------------------|------------------------|
| A. Tư liệu lao động. | C. Đối tượng lao động. |
| B. Sức lao động. | D. Công cụ lao động. |

Câu 26. Thị trường có các chức năng cơ bản

- A. 3 chức năng.
- B. 4 chức năng.
- C. 5 chức năng.
- D. 6 chức năng.

Câu 27. H và P đã trao đổi với nhau về sự phát triển của một số nước trên thế giới rất khan hiếm tài nguyên, khoáng sản nhưng có nền kinh tế phát triển như Nhật Bản, Singapore, Bằng kiến thức đã học, em có nhận xét, đánh giá về vấn đề trên dựa vào yếu tố nào dưới đây?

- A. Khai thác nguồn lực con người, phát huy vai trò của yếu tố sức lao động và biết đầu tư khoa học.
- B. Mở rộng thị trường và nơi đầu tư cho kinh tế phát triển nhanh chóng.
- C. Đi đầu trong công tác cải tạo khoa học kỹ thuật vào quá trình sản xuất nông nghiệp.
- D. Có kết cấu cơ sở hạ tầng vững chắc, tầm quan trọng của ngoại giao.

Câu 28. X là một học sinh học giỏi, nhưng gia đình lại khó khăn nên X phải phụ giúp gia đình kiếm thêm thu nhập. Hiện nay, do trời mưa nhiều nên X có ý định bán áo mưa, song X không biết lựa chọn loại áo mưa nào cho phù hợp với người tiêu dùng. Nếu em là X trong tình huống đó, em sẽ vận dụng chức năng nào của thị trường để ra quyết định cho công việc buôn bán của mình được thuận lợi?

- A. Chức năng thực hiện giá trị của hàng hóa trên thị trường do người tiêu dùng quyết định.
- B. Chức năng thừa nhận giá trị sử dụng của hàng hóa vì biết được sức mua của người tiêu dùng.
- C. Chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng để biết lựa chọn mặt hàng.
- D. Chức năng thông tin của thị trường.

II. TỰ LUẬN(3 ĐIỂM)

Em hãy trình bày nội dung của quy luật giá trị? Nội dung của quy luật giá trị được biểu hiện như thế nào trong sản xuất và lưu thông hàng hóa? Là một người sản xuất hàng hóa theo em cần phải làm gì để vận dụng tốt quy luật giá trị?

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. TRẮC NGHIỆM(7 điểm)

Mã đề: 1

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
A																				
B																				
C																				
D																				

	21	22	23	24	25	26	27	28
A								
B								
C								
D								

II. TỰ LUẬN(3 điểm)

Ý	Nội dung kiến thức	Điểm
1 (0,5 điểm)	Nội dung quy luật giá trị là sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa đó.	0,5
2 (1,5 điểm)	- Biểu hiện của quy luật giá trị trong lĩnh vực sản xuất và lưu thông đối với một hàng hoá và đối với tổng hàng hoá	1,5

	<p>+ Trong sản xuất:</p> <p>quy luật giá trị yêu cầu người sản xuất phải đảm bảo sao cho thời gian lao động cá biệt để sản xuất hàng hóa phải phù hợp với thời gian lao động xã hội cần thiết để sx ra từng hàng hóa đó và tổng thời gian lao động cá biệt bằng với tổng thời gian lao động xã hội cần thiết.</p> <p>+ Trong lưu thông:</p> <p>Trong lưu thông, việc trao đổi hàng hóa phải dựa theo nguyên tắc ngang giá.</p> <p>. Đối với 1 hàng hóa, giá cả của một hàng hóa có thể bán cao hoặc thấp so với giá trị của nó nhưng bao giờ cũng phải xoay quanh trục giá trị hàng hóa, hay xoay quanh trục thời gian lao động xã hội cần thiết</p> <p>. Đối với tổng hàng hóa trên toàn xã hội, quy luật giá trị yêu cầu: tổng giá cả hàng hóa sau khi bán phải bằng tổng giá trị hàng hóa được tạo ra trong quá trình sản xuất.</p>	<p>0,75</p> <p>0,75</p>
<p>3</p> <p>(1 điểm)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phân đấu giảm chi phí, nâng cao sức cạnh tranh, thu nhiều lợi nhuận; - Chuyển dịch cơ cấu sản xuất, cơ cấu mặt hàng và ngành hàng sao cho phù hợp với nhu cầu; - Đổi mới khoa học, kỹ thuật – công nghệ; - Thực hành tiết kiệm, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng hàng hóa. 	<p>1</p>

C. Giá cả thị trường ảnh hưởng đến cung- cầu.
cả thị trường.

D. Cung – cầu ảnh hưởng đến giá

Câu 7: Giá cả của hàng hóa trên thị trường biểu hiện như thế nào?

A. Luôn cao hơn giá trị.

B. Luôn khớp với giá trị.

C. Luôn thấp hơn giá trị.

D. Luôn xoay quanh giá trị.

Câu 8: Là toàn bộ năng lực thể chất và tinh thần của con người được vận dụng vào quá trình sản xuất được gọi là?

A. Công cụ lao động.

B. Sức lao động.

C. Đối tượng lao động.

D. Tư liệu sản xuất.

Câu 9: Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, "Cạnh tranh" được dùng để gọi tắt cho cụm từ nào?

A. Cạnh tranh kinh tế.

B. Cạnh tranh văn hóa.

C. Cạnh tranh chính trị.

D. Cạnh tranh công nghệ.

Câu 10: Vì sao sức lao động giữ vai trò quan trọng, quyết định nhất trong các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất?

A. Vì sức lao động có tính sáng tạo.

B. Vì sức lao động luôn có sẵn.

C. Vì sức lao động chỉ có ở con người.

D. Vì sức lao động là yếu tố để phân biệt con người với con vật.

Câu 11: Yếu tố nào sau đây không phải là tác động của quy luật giá trị?

A. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa.

B. Kích thích lực lượng sản xuất phát triển, tăng năng suất lao động.

C. Điều tiết giá cả hàng hóa trên thị trường.

D. Phân hóa giàu- nghèo giữa những người sản xuất hàng hóa.

Câu 12: hợp nào dưới đây gọi là cầu?

A. Bà G mua một mảnh đất nhưng còn nợ lại một khoản tiền.

B. Chị N mua một chiếc ô tô nhưng chưa đủ tiền phải vay ngân hàng.

C. Ông M mua một chiếc xe máy đã trả hết tiền.

D. Ông T muốn mua một cái nhà nhưng chưa đủ tiền.

Câu 13: Yếu tố nào dưới đây không phải là điều kiện để sản phẩm trở thành hàng hóa?

A. Do lao động tạo ra.

B. Có sẵn trong tự nhiên.

C. Có công dụng nhất định.

D. Thông qua mua- bán.

Câu 14: Sự tác động của con người vào tự nhiên, biến đổi các yếu tố của tự nhiên để tạo ra sản phẩm phù hợp với nhu cầu của mình gọi là gì?

- A. Quá trình tồn tại.
- B. Sản xuất của cải vật chất.
- C. Quá trình sản xuất.
- D. Bản năng sống.

Câu 15: Sản xuất của cải vật chất giữ vai trò như thế nào đến mọi hoạt động của xã hội?

- A. Quan trọng.
- B. Định hướng.
- C. Quyết định.
- D. Thúc đẩy.

Câu 16: Ý nào sau đây không phải là nội dung cốt lõi của cạnh tranh?

- A. Các chủ thể kinh tế tham gia cạnh tranh.
- B. Mục đích của cạnh tranh.
- C. Điều kiện sản xuất.
- D. Tính chất của cạnh tranh.

Câu 17: Quy luật giá trị quy định người sản xuất và lưu thông hàng hóa trong quá trình sản và lưu thông căn cứ vào đâu?

- A. Thời gian lao động các biệt để sản xuất ra hàng hóa.
- B. Giá cả của hàng hóa trên thị trường.
- C. Nhu cầu của người tiêu dùng.
- D. Thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa.

Câu 18: Chị A làm một chiếc áo mất hết 6 giờ. Thời gian lao động xã hội cần thiết để làm chiếc áo là 7 giờ. Vậy chị A bán chiếc áo với giá cả tương ứng với bao nhiêu giờ?

- A. 6 giờ.
- B. 8 giờ.
- C. 5 giờ.
- D. 7 giờ.

Câu 19: Nguyên nhân nào dẫn đến cạnh tranh?

- A. Do tồn tại nhiều chủ sở hữu có điều kiện sản xuất và lợi ích khác nhau.
- B. Do điều kiện sản xuất của các chủ sở hữu khác nhau.
- C. Do tồn tại nhiều chủ sở hữu có nhiều lợi ích khác nhau.
- D. Do tồn tại nhiều chủ sở hữu cùng sản xuất một loại mặt hàng.

Câu 20: Sản xuất của cải vật chất giữ vai trò gì đối với sự tồn tại của xã hội?

- A. Là động lực.
- B. Là điều kiện.
- C. Là đòn bẩy.
- D. Là cơ sở.

Câu 21: Giá trị sử dụng của hàng hóa là gì?

- A. Là công dụng của sản phẩm để thỏa mãn nhu cầu mua bán của con người.
- B. Là công dụng của sản phẩm để thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người.
- C. Là công dụng của sản phẩm để thỏa mãn nhu cầu tinh thần của con người.
- D. Là công dụng của sản phẩm để thỏa mãn nhu cầu vật chất của con người.

Câu 22: Sản phẩm nào dưới đây là hàng hóa?

A. Người nông dân trồng rau để ăn.

B. Người nông dân trồng lúa gạo để ăn.

C. Người nông dân trồng rau để bán.

D. Người nông dân nuôi gà để ăn.

Câu 23: Lao động của con người là dạng hoạt động gì?

A. Hoạt động có mục đích, có ý thức.

B. Hoạt động để thỏa mãn nhu cầu.

C. Hoạt động bản năng.

D. Hoạt động vô thức.

Câu 24: Cầu thường gắn với điều kiện gì?

A. Kinh doanh.
xuất.

B. Tiêu dùng.

C. Lưu thông.

D. Sản

II. TỰ LUẬN: (4 ĐIỂM)

Câu 1: Hãy trình bày các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất của cải vật chất và cho biết ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội như thế nào? (2 điểm).

Câu 1: Hãy trình bày tác động của quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa và chỉ ra tác động hạn chế của quy luật giá trị và vì sao có mặt hạn chế đó? (2 điểm).

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN

Phân đáp án câu trắc nghiệm:

1	D	7	D	13	B	19	A
2	B	8	B	14	B	20	D
3	B	9	A	15	C	21	B
4	C	10	A	16	C	22	C
5	D	11	C	17	D	23	A
6	A	12	C	18	D	24	B

II/ Phần tự luận

Câu 1. Các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất

*** Sức lao động**

- **Sức lao động** là toàn bộ năng lực thể chất và tinh thần được con người sử dụng vào quá trình sản xuất.

- **Lao động** là hoạt động có mục đích, có ý thức của con người làm biến đổi các yếu tố tự nhiên cho phù hợp với nhu cầu của mình

- **Khác nhau** giữa sức lao động và lao động

+ Sức lao động mới chỉ là khả năng lao động

+ Lao động là sự tiêu dùng sức lao động

*** Đối tượng lao động**

- ĐTLĐ có sẵn trong tự nhiên

- ĐTLĐ qua tác động của lao động

- **ĐTLĐ** là những yếu tố của tự nhiên mà lao động của con người tác động vào nhằm biến đổi nó cho phù hợp với mục đích của con người

*** Tư liệu lao động**

- **TLLĐ** chia làm 3 loại

+ Công cụ lao động

+ Hệ thống bình chứa

+ Kết cấu hạ tầng

*** Ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội.**

- Đối với cá nhân

+ Có việc làm từ đó có thu nhập, nhu cầu vật chất và tinh thần tăng

+ Được học tập, chăm sóc sức khỏe từ đó tuổi thọ tăng...

- Đối với gia đình

+ Gia đình hạnh phúc từ đó được chăm sóc, giáo dục, gia đình văn hóa...

+ Thực hiện được các chức năng kinh tế, sinh sản...

- Đối với xã hội

+ Thu nhập quốc dân tăng từ đó chất lượng cuộc sống tăng, văn hóa, giáo dục, y tế phát triển

+ Chính sách quốc phòng, an ninh, đối ngoại được đảm bảo.

Câu 2. Tác động của quy luật giá trị.

*** Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hoá.**

- Giá cả > giá trị thì bán chạy có lãi thì tiếp tục sản xuất hoặc mở rộng sản xuất.

- Giá cả < giá trị thì lỗ vốn tức thu hẹp sản xuất hoặc không sản xuất hoặc chuyển sang nghề khác

- Giá cả = giá trị vẫn tiếp tục sản xuất

Như vậy: thu hút hàng hóa từ nơi có giá cả thấp đến nơi có giá cao từ đó cân bằng hàng hóa giữa các vùng.

*** Kích thích lực lượng sản xuất phát triển và năng suất lao động tăng lên.**

Năng suất lao động tăng thì lợi nhuận tăng từ đó cải tiến kĩ thuật, nâng cao tay nghề, sử dụng thành tựu khoa học kĩ thuật.

*** Phân hoá giàu – nghèo giữa những người sản xuất hàng hóa.**

- Người sản xuất có giá trị cá biệt thấp hơn hoặc bằng giá trị xã hội thì có lãi => mua sắm tư liệu sản xuất, đổi mới kĩ thuật => *Người đó phát tài, giàu có*
- Người sản xuất có giá trị cá biệt cao hơn giá trị xã hội thì => *Người đó thua lỗ, phá sản... => nghèo đi.*

HẾT

uigeli.xyz	ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KỲ I
ĐỀ 4	MÔN GDCD LỚP 11
	<i>Thời gian: 45 phút</i>

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Giá cả của hàng hóa trên thị trường biểu hiện như thế nào?

- A. . Luôn cao hơn giá trị
- B. . Luôn ăn khớp với giá trị
- C. . Luôn thấp hơn giá trị
- D. . Luôn xoay quanh giá trị

Câu 2: Để may một cái áo A may hết 5 giờ. Thời gian lao động xã hội cần thiết để may cái áo là 4 giờ. Vậy A bán chiếc áo giá cả tương ứng với mấy giờ?

- A. . 4 giờ.
- B. . 3 giờ.
- C. . 6 giờ.
- D. . 5 giờ.

Câu 3: Quy luật kinh tế cơ bản của sản xuất và trao đổi hàng hóa là quy luật nào?

- A. . Quy luật cạnh tranh.
- B. . Quy luật kinh tế
- C. . Quy luật giá trị
- D. . Quy luật cung cầu.

Câu 4: Khái niệm cạnh tranh xuất hiện từ khi nào?

- A. . Khi xã hội loài người xuất hiện.
- B. . Khi ngôn ngữ xuất hiện.
- C. . Khi sản xuất và lưu thông hàng hoá xuất hiện.
- D. . Khi con người biết lao động.

Câu 5: Anh An trồng rau sạch để bán lấy tiền rồi dùng tiền đó mua gạo. Vậy tiền đó thực hiện chức năng gì?

- A. . Phương tiện lưu thông.
- B. . Phương tiện thanh toán.
- C. . Thước đo giá trị.
- D. . Phương tiện giao dịch.

Câu 6: Sự tác động của con người vào tự nhiên biến đổi các yếu tố tự nhiên để tạo ra các sản phẩm phù hợp với nhu cầu của mình gọi là:

A. . Quá trình sản xuất.

B. . Sản xuất của cải vật chất.

C. . Thỏa mãn nhu cầu.

D. . Sản xuất kinh tế

Câu 7: Trong nền kinh tế hàng hoá khái niệm cầu được dùng để gọi tắt cho cụm từ nào?

A. . Nhu cầu có khả năng thanh toán.

B. . nhu cầu tiêu dùng hàng hoá.

C. . Nhu cầu của người tiêu dùng.

D. . Nhu cầu của mọi người.

Câu 8: Sản xuất của cải vật chất giữ vai trò như thế nào đến mọi hoạt động của xã hội?

A. . Trung tâm.

B. . Cần thiết.

C. . Quyết định.

D. . Quan trọng.

Câu 9: Giá trị của hàng hóa được biểu hiện thông qua yếu tố nào?

A. . Giá trị số lượng, chất lượng.
xuất.

B. . Lao động xã hội của người sản

C. . Giá trị sử dụng của hàng hóa.

D. . Giá trị trao đổi.

Câu 10: Thị trường bao gồm những nhân tố cơ bản nào?

A. . Người mua, người bán, tiền tệ.

B. . Hàng hóa, người mua, người bán.

C. . Hàng hóa, tiền tệ, cửa hàng, chợ,
người bán.

D. . Hàng hóa, tiền tệ, người mua,

Câu 11: Các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất là gì?

A. . Sức lao động, đối tượng lao động, công cụ lao động.

B. . Sức lao động, công cụ lao động, tư liệu lao động.

C. . Sức lao động, tư liệu lao động, công cụ sản xuất.

D. . Sức lao động, đối tượng lao động, tư liệu lao động.

Câu 12: Khi cầu tăng dẫn đến sản xuất mở rộng dẫn đến cung tăng là nội dung của biểu hiện nào trong quan hệ cung - cầu ?

A. . Cung cầu tác động lẫn nhau

B. . Cung cầu ảnh hưởng đến giá cả

C. . Thị trường chi phối cung cầu

D. . Giá cả ảnh hưởng đến cung cầu

Câu 13: Hàng hóa có những thuộc tính nào sau đây?

A. . Giá trị sử dụng.

B. . Giá trị, giá trị trao đổi.

C. . Giá trị trao đổi, giá trị sử dụng.

D. . Giá trị, giá trị sử dụng.

Câu 14: Những yếu tố tự nhiên mà lao động của con người tác động vào nhằm biến đổi nó cho phù hợp với mục đích của con người được gọi là gì?

A. . Tư liệu lao động.

B. . Tài nguyên thiên nhiên

C. . Đối tượng lao động.

D. . Công cụ lao động.

Câu 15: Đáp án nào dưới đây là chức năng của tiền tệ?

A. . Thước đo kinh tế.

B. . Thước đo thị trường.

C. . Thước đo giá cả.

D. . Thước đo giá trị.

Câu 16: Quy luật giá trị quy định người sản xuất và lưu thông hàng hóa trong quá trình sản xuất và lưu thông phải căn cứ vào đâu?

A. . Thời gian lao động cá biệt
thiết

B. . Thời gian lao động xã hội cần

C. . Thời gian cần thiết
hàng hóa

D. . Thời gian hao phí để sản xuất ra

Câu 17: Cạnh tranh giữ vai trò như thế nào trong sản xuất và lưu thông hàng hoá?

A. . Một đòn bẩy kinh tế.
kinh tế.

B. . Động lực thúc đẩy phát triển

C. . Cơ sở sản xuất và lưu thông hàng hoá.
thông hàng hoá.

D. . Nền tảng của sản xuất và lưu

Câu 18: Để có được lợi nhuận cao và giành được ưu thế cạnh tranh người sản xuất phải đảm bảo điều kiện nào sau đây?

A. . Phải tăng giá trị cá biệt của hàng hóa
hóa

B. . Phải giảm giá trị xã hội của hàng

C. . Phải giảm giá trị cá biệt của hàng hóa
hàng hóa

D. . Giữ nguyên giá trị cá biệt của

Câu 19: Để may xong một cái áo, hao phí lao động của anh B tính theo thời gian mất 4 giờ. Vậy 4 giờ lao động của anh B được gọi là gì?

A. . Thời gian lao động thực tế.

B. . Thời gian lao động cá biệt.

C. . Thời gian lao động xã hội cần thiết.

D. . Thời gian lao động của anh B.

Câu 20: Hãy chỉ ra một trong những chức năng của tiền tệ?

A. . Phương tiện thanh toán.

B. . Phương tiện mua bán.

C. . Phương tiện trao đổi.

D. . Phương tiện giao dịch.

Câu 21: Hàng hóa có thể tồn tại dưới những dạng nào sau đây?

A. . Vật thể và phi vật thể.

B. . Sản phẩm vật thể và tinh thần.

C. . Sản phẩm tinh thần và dịch vụ.

D. . Sản phẩm vật thể và dịch vụ.

Câu 22: Tiền tệ thực hiện chức năng thước đo giá trị khi nào?

A. . Khi tiền dùng để đo lường và biểu hiện giá trị của hàng hóa.

B. . Khi tiền dùng làm phương tiện lưu thông, thúc đẩy quá trình mua bán hàng hóa diễn ra thuận lợi.

C. . Khi tiền dùng để chi trả sau khi giao dịch mua bán.

D. . Khi tiền rút khỏi lưu thông và đi vào cất trữ.

Câu 23: Yếu tố nào dưới đây không phải là điều kiện để sản phẩm trở thành hàng hóa?

- A. . Thông qua mua bán. B. . Có công dụng nhất định.
C. . Do lao động tạo ra. D. . Có sẵn trong tự nhiên.

Câu 24: Khi trên thị trường giá cả giảm thì xảy ra trường hợp nào sau đây?

- A. . Cung và cầu giảm B. . Cung giảm, cầu tăng
C. . Cung tăng, cầu giảm D. . Cung và cầu tăng

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1: Thế nào là sản xuất của cải vật chất ? Hãy trình bày các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất?

Câu 2: Cạnh tranh là gì? Ví dụ? Thế nào là cạnh tranh lành mạnh và cạnh tranh không lành mạnh?

ĐÁP ÁN

Phần đáp án trắc nghiệm:

1	D	7	A	13	D	19	B
2	A	8	C	14	C	20	A
3	C	9	D	15	D	21	A
4	C	10	D	16	B	22	A
5	A	11	D	17	B	23	D
6	B	12	A	18	C	24	B

Phần đáp án câu tự luận:

Câu 1:

* **Sản xuất của cải vật chất:** Là quá trình Con người tác động vào tự nhiên để làm biến đổi các yếu tố tự nhiên tạo ra sản phẩm để phục vụ nhu cầu của con người. (0.5 điểm)

* **Các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất**

- **Sức lao động**(0.5 điểm)

+ **Sức lao động** là toàn bộ năng lực thể chất và tinh thần được con người sử dụng vào quá trình sản xuất.

+ **Lao động** là hoạt động có mục đích, có ý thức của con người làm biến đổi các yếu tố tự nhiên cho phù hợp với nhu cầu của mình

- **Khác nhau** giữa sức lao động và lao động

+ Sức lao động mới chỉ là khả năng lao động

+ Lao động là sự tiêu dùng sức lao động

- Đối tượng lao động(có 2 loại) (0.5 điểm)

+ Loại có sẵn trong tự nhiên.

+ loại qua tác động của lao động.

ĐTLĐ là những yếu tố của tự nhiên mà lao động của con người tác động vào nhằm biến đổi nó cho phù hợp với mục đích của con người

***Tư liệu lao động(chia làm 3 loại) (0.5 điểm)**

+ Công cụ lao động

+ Hệ thống bình chứa

+ Kết cấu hạ tầng

TLLĐ là một vật hay hệ thống các vật làm nhiệm vụ truyền dẫn sự tác động của con người lên đối tượng lao động nhằm biến đổi đối tượng lao động thành sản phẩm thỏa mãn nhu cầu của con người.

Câu 2:

-Cạnh tranh là : Là sự ganh đua, đấu tranh giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa nhằm giành những điều kiện thuận lợi để thu được nhiều lợi nhuận. (0.5 điểm)

-Ví dụ: Tại phố X, có rất nhiều người cùng bán một mặt hàng A, giữa họ tất yếu có cạnh tranh với nhau để giành khách hàng và theo đó lợi nhuận nhiều hơn người khác. (0.5 điểm)

- Thế nào là cạnh tranh lành mạnh và cạnh tranh không lành mạnh:

+ **Cạnh tranh lành mạnh:** Là cạnh tranh diễn ra đúng pháp luật gắn liền với các mặt tích cực sau:

- Kích thích LLSX, KHCN phát triển, năng xuất lao động tăng lên.
- Khai thác tốt các nguồn lực
- Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hàng hóa có sức mạnh cạnh tranh (0.5 điểm)

+ **Cạnh tranh không lành mạnh:** Là cạnh tranh vi phạm pháp luật và các chuẩn mực đạo đức, thường gắn với các mặt hạn chế sau.

- Làm cho môi trường suy thoái và mất cân bằng nghiêm trọng.
- Sử dụng thủ đoạn phi pháp, bất lương
- Gây rối loạn thị trường (0.5 điểm)

<p>uigeli.xyz</p> <p>ĐỀ 5</p>	<p>ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KỲ I</p> <p>MÔN GD CD LỚP 11</p> <p><i>Thời gian: 45 phút</i></p>
--------------------------------------	---

Câu 1: Nội dung của quan hệ cung – cầu trên thị trường nhằm xác định :

- A. Mức giá cả hàng hóa, dịch vụ
- B. Giá cả và số lượng hàng hóa, dịch vụ
- C. Giá trị hàng hóa
- D. Số lượng hàng hóa lưu thông

Câu 2: là cạnh tranh diễn ra theo đúng pháp luật và gắn liền với các tác động tích cực .

- A. Cạnh tranh hoàn hảo
- B. Cạnh tranh lành mạnh
- C. Cạnh tranh lí tưởng
- D. Cạnh tranh tích cực

Câu 3: Khi cung < cầu thì **tất yếu** điều gì xảy ra trên thị trường ?

- A. Giá cả < giá trị hàng hóa
- B. Giá cả = giá trị hàng hóa
- C. Nhà sản xuất mở rộng quy mô sản xuất
- D. Giá cả > giá trị hàng hóa

Câu 4: Hành động nào là thể hiện sự **cạnh tranh lành mạnh** ?

- A. Giảm giá bán sản phẩm
- B. Bêu xấu các sản phẩm của nhà sản xuất khác
- C. Tẩy chay hàng hóa của nhà sản xuất khác
- D. Chèo kéo, tranh giành khách hàng

Câu 5: Để giúp cho các chủ thể kinh tế kinh doanh bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh đúng kỷ cương. Nhà nước cần phải làm gì?

- A. Quản lý các hoạt động của các chủ thể kinh tế
- B. Để cho các chủ thể kinh tế tự do kinh doanh
- C. Bù lỗ cho các doanh nghiệp bị thua lỗ
- D. Tạo hành lang pháp lý và cơ chế, chính sách thuận lợi, hiệu quả

Câu 6: Số lượng cầu phụ thuộc vào yếu tố nào nhất ?

- A. Thu nhập
- B. Mức giá cả hàng hóa
- C. Sở thích người tiêu dùng
- D. Tâm lý, thị hiếu người tiêu dùng

Câu 7: Người tiêu dùng Việt Nam đang có xu hướng chuộng dùng hàng ngoại. Để hạn chế xu hướng này các chủ thể sản xuất kinh doanh trong nước cần phải làm gì?

- A. Tích cực cạnh tranh với các mặt hàng nước ngoài giành ưu thế trên thị trường nội địa
- B. Tìm cách ngăn chặn không cho hàng hoá nước ngoài tràn vào nước ta
- C. Làm hàng nhái giống như của nước ngoài

D. Có những ưu đãi đặc biệt về giá cả

Câu 8: Quy luật kinh tế nào chi phối trong nền sản xuất hàng hóa ?

- A. Quy luật lưu thông hàng hóa B. Quy luật cung – cầu
C. Quy luật giá trị D. Quy luật cạnh tranh

Câu 9: Xét tổng hàng hóa trên phạm vi toàn xã hội thì quy luật giá trị yêu cầu :

- A. Tổng giá cả hàng hóa sau khi bán phải = Tổng giá trị hàng hóa được tạo ra trong SX
B. Tổng giá cả hàng hóa sau khi bán phải > Tổng giá trị hàng hóa được tạo ra trong SX
C. Tổng giá cả hàng hóa sau khi bán phải < Tổng giá trị hàng hóa được tạo ra trong SX
D. Tổng giá trị hàng hóa sau khi bán $\geq$ Tổng giá cả hàng hóa được tạo ra trong SX

Câu 10: Quy luật kinh tế nào chi phối trong nền sản xuất hàng hóa ?

- A. Quy luật lưu thông hàng hóa B. Quy luật cung – cầu
C. Quy luật giá trị D. Quy luật cạnh tranh

Câu 11: Quá trình thực hiện giá trị sử dụng của hàng hóa được thực hiện trên lĩnh vực nào?

- A. Lưu thông B. Tiêu dùng C. Phân phối D. Sản xuất

Câu 12: Ý kiến nào **đúng** khi nói về cạnh tranh ?

- A. Nền kinh tế tự túc tự cấp có cạnh tranh B. Chỉ có sản xuất hàng hóa thì mới có cạnh tranh
C. Nền kinh tế tập trung bao cấp có cạnh tranh D. Ở nơi nào có sản xuất thì nơi có cạnh tranh

Câu 13: Nắm bắt thông tin trên thị trường có ý nghĩa như thế nào đối với **người mua** hàng ?

- A. Nhắc nhở người khác không thực hiện sai giá trị hàng hoá
B. Không thiệt thòi khi bán hàng
C. Giúp người mua điều chỉnh việc mua sao cho có lợi nhất
D. Thiếu tự tin khi tham gia mua bán trên thị trường

Câu 14: Yếu tố nào quyết định số lượng **cung** hàng hóa ?

- A. Mức giá cả hàng hóa B. Các yếu tố sản xuất

C. Khả năng sản xuất

D. Số lượng và chất lượng nguồn nhân lực

Câu 15: Lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa gọi là gì?

A. Thời gian lao động cá biệt

B. Thời gian lao động xã hội cần thiết

C. Thời gian lao động cá nhân

D. Giá trị hàng hóa

Câu 16: Việc trao đổi các hàng hóa với nhau trên thị trường thực chất là trao đổi :

A. Giá trị sử dụng của hàng hóa

B. Thời gian lao động xã hội cần thiết

C. Giá trị của hàng hóa

D. Những lượng lao động hao phí bằng nhau ẩn chứa trong hàng hóa

Câu 17: Cạnh tranh ra đời, tồn tại và phát triển khi nào ?

A. Khi quy luật giá trị xuất hiện

B. Khi lưu thông hàng hóa xuất hiện

C. Khi sản xuất hàng hóa xuất hiện
xuất hiện

D. Khi sản xuất và lưu thông hàng hóa

Câu 18: Lưu thông tiền tệ do yếu tố nào quy định ?

A. Giá cả hàng hóa

B. Chất lượng sản phẩm

C. Lưu thông hàng hóa

D. Ngân hàng Nhà nước

Câu 19: Trong nền kinh tế thị trường, khái niệm cầu được hiểu là tên gọi tắt của nhu cầu nào?

A. Nhu cầu nói chung

B. Nhu cầu có khả năng thanh toán

C. Nhu cầu của mọi người

D. Hàng hóa mà người tiêu dùng cần

Câu 20: Mối quan hệ giữa số lượng cầu và giá cả hàng hóa là:

A. Bằng nhau

B. Tỷ lệ thuận

C. Ngược chiều

D. Tỷ lệ nghịch

Câu 21: Trong nền kinh tế hàng hóa, người tiêu dùng muốn có *giá trị sử dụng* của hàng hóa thì trước hết phải thực hiện được điều gì?

A. Giá trị xã hội
trao đổi

B. Giá trị

C. Lao động cá biệt

D. Giá trị

Câu 22: Nam có thu nhập ổn định 9 triệu đồng/ tháng. Nam không có khả năng thanh toán nhu cầu nào ?

A. Đổi điện thoại đời mới

B. Mua xe gắn máy cho con đi học

C. Mua nhà ở xã hội

D. Mua ô tô đi làm

Câu 23: Khi năng suất lao động tăng lên gấp 3 lần thì **lượng giá trị** của hàng hóa như thế nào ?

- A. Không thay đổi B. Giảm xuống 1/2 C. Tăng lên gấp 3 lần D. Giảm xuống 1/3

Câu 24: Cạnh tranh trong lĩnh vực nào là quan trọng nhất ?

- A. Trong lĩnh vực chính trị B. Trong lĩnh vực xã hội
C. Trong lĩnh vực nghệ thuật D. Trong lĩnh vực kinh tế

Câu 25: Hành vi nào sau đây là sự biểu hiện của sự cạnh tranh **không lành mạnh** ?

- A. Hạ giá thành sản phẩm
B. Đầu cơ tích trữ để nâng cao lợi nhuận
C. Áp dụng khoa học – kỹ thuật hiện đại vào sản xuất
D. Tung ra nhiều khuyến mãi để thu hút khách hàng

Câu 26: Theo nội dung quy luật giá trị, sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở nào?

- A. Giá trị của hàng hóa B. Thời gian lao động cá biệt
C. Nhu cầu của mọi người D. Thời gian lao động xã hội cần thiết

Câu 27: Nội dung nào được xem là mặt hạn chế của cạnh tranh?

- A. Kích thích sức sản xuất B. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế
C. Khai thác tối đa mọi nguồn lực của đất nước D. Làm cho môi trường bị suy thoái

Câu 28: Trong nền kinh tế nước ta hiện nay, mức độ cạnh tranh như thế nào ?

- A. Chỉ có cạnh tranh không có độc quyền B. Cạnh tranh thì ít, độc quyền nhiều hơn
C. Vừa có cạnh tranh vừa có độc quyền D. Chỉ có độc quyền không có cạnh tranh

Câu 29: Một hàng hóa sản xuất ra có được thị trường **thừa nhận hay không** thể hiện thông qua số lượng hàng hóa

- A. Được bày bán nhiều hay ít B. Giá bán
C. Không bán được D. Thay đổi mẫu mã

Câu 30: Thị trường bao gồm các nhân tố cơ bản nào ?

A. Hàng hóa, tiền tệ, giá cả, giá trị bán

B. Hàng hóa, tiền tệ, người mua, người

C. Hàng hóa, tiền tệ, chợ, siêu thị

D. Cung – cầu, giá cả, tiền tệ

Câu 31: Nội dung nào được xem là mặt hạn chế của cạnh tranh?

A. Làm cho môi trường bị suy thoái

B. Kích thích sức sản xuất

C. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của đất nước

D. Khai thác tối đa mọi nguồn lực

Câu 32: Khi giá cả hàng hóa tăng lên, các doanh nghiệp mở rộng sản xuất. Đây là biểu hiện nào trong quan hệ cung - cầu ?

A. Cung – cầu ảnh hưởng đến giá cả thị trường

B. Cung – cầu tác động lẫn nhau

C. Giá cả thị trường ảnh hưởng đến cung – cầu

D. Tất cả các các biểu hiện trên

Câu 33: Trên thị trường người tiêu dùng chịu ảnh hưởng như thế nào về quan hệ cung – cầu ?

A. Thiệt thòi, bị ép giá

B. Luôn có lợi

C. Không bị ảnh hưởng gì

D. Vừa có lợi, vừa thua thiệt

Câu 34: Trường hợp nào người bán có *nhiều lãi* ?

A. $Cung < cầu$

B. Mọi trường hợp đều có lãi

C. $Cung > cầu$

D. $Cung = cầu$

Câu 35: Việc phân phối lại nguồn hàng từ nơi có lãi ít đến nơi có nhiều lãi là kết quả tác động nào của quy luật giá trị?

A. Phân hóa giàu nghèo giữa những người sản xuất hàng hóa

B. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa

C. Tăng năng suất lao động

D. Kích thích lực lượng sản xuất phát triển

Câu 36: Mục đích cuối cùng của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa là gì?

A. Giành lợi nhuận về mình nhiều hơn người khác

B. Sản xuất được nhiều hàng hóa nhất

C. Bán được nhiều hàng hóa nhất thị trường

D. Trở thành người chi phối

Câu 37: Tiền giấy ra đời đầu tiên ở quốc gia nào ?

- A. Mỹ B. Anh C. Trung Quốc D. Pháp

Câu 38: Trên thị trường, sự tác động của nhân tố nào khiến cho giá cả hàng hóa trở nên cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị?

- A. Cung – cầu B. Người mua, người bán
C. Cạnh tranh và phân phối sản phẩm D. Độc quyền

Câu 39: Nhà nước có trách nhiệm điều tiết cạnh tranh bằng cách thông qua các hình thức

- A. Phổ biến pháp luật cho mọi người nắm được
B. Giáo dục, pháp luật, chính sách kinh tế - xã hội thích hợp
C. Nâng cao mức thuế thu nhập D. Giáo dục tư tưởng cho các chủ thể kinh tế

Câu 40: Biểu hiện của quy luật giá trị trong lưu thông hàng hóa là gì ?

- A. Trao đổi theo nhu cầu B. Trao đổi theo quan hệ cung – cầu
C. Trao đổi theo sự biến động của thị trường D. Trao đổi theo theo nguyên tắc ngang giá

ĐÁP ÁN

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
A																				
B																				
C																				
D																				

	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
A																				
B																				
C																				
D																				